

CTCP Tập đoàn Hoàng Kim Tây Nguyên (HNX: CTC)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	1,300 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-35.0%	-55.2%

Sức mạnh tài chính

Piotroski F - Score

2023

5/9

(Ổn định)

2023

DT thuần

9.59

tỷ VNĐ

YoY

▼ 29.7

▼ 75.6%

2023

LN sau thuế

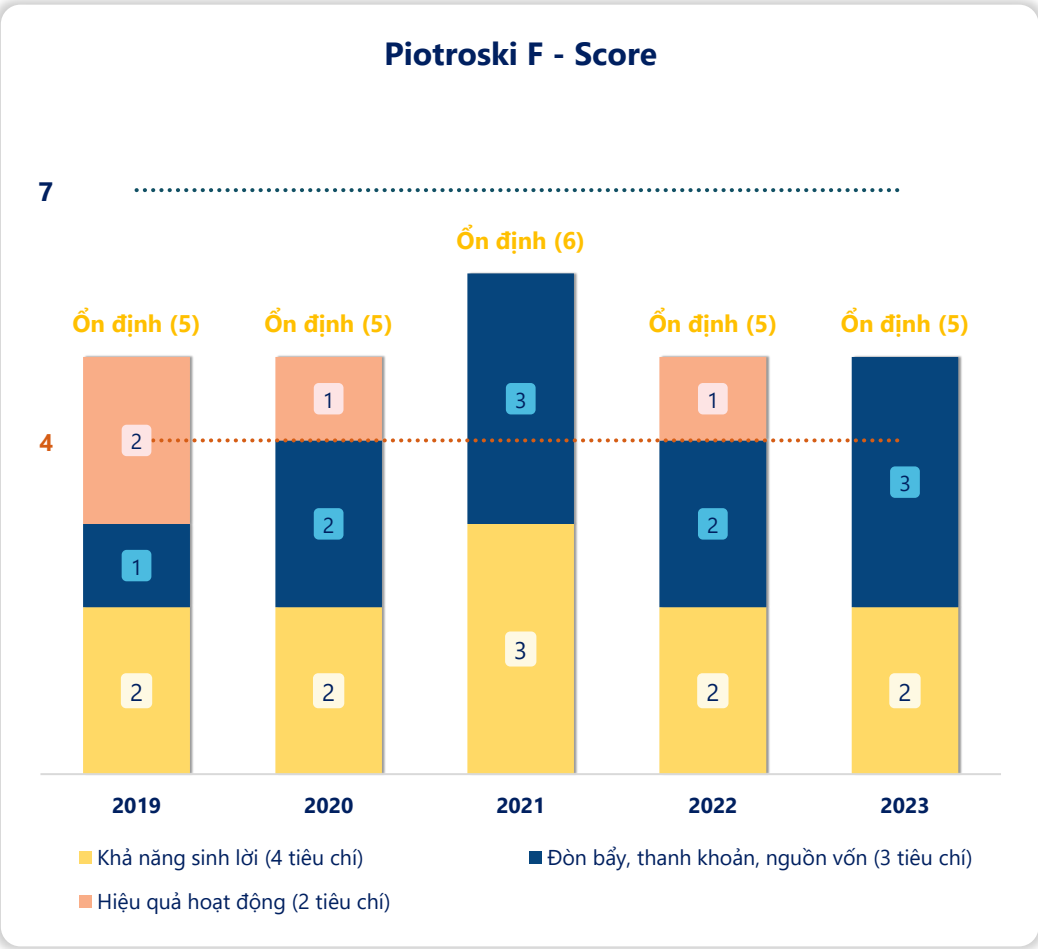
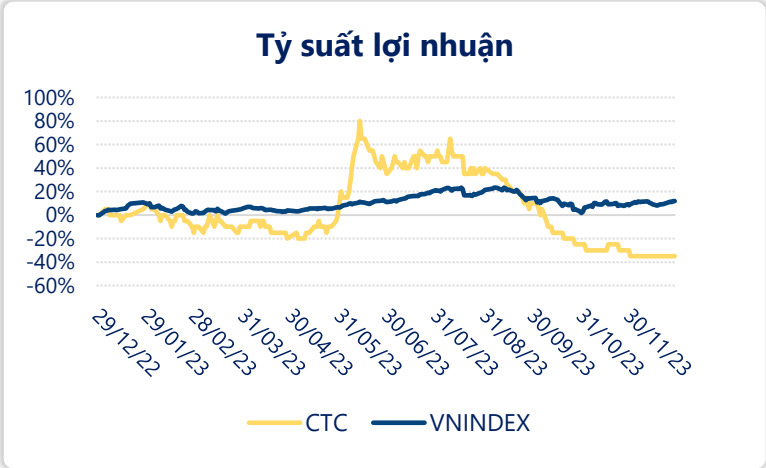
-16.3

tỷ VNĐ

YoY

▼ 7.16

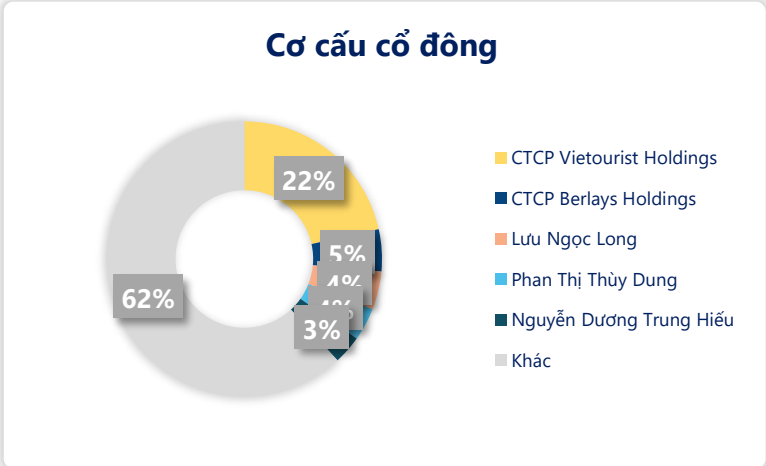
▼ 78.4%



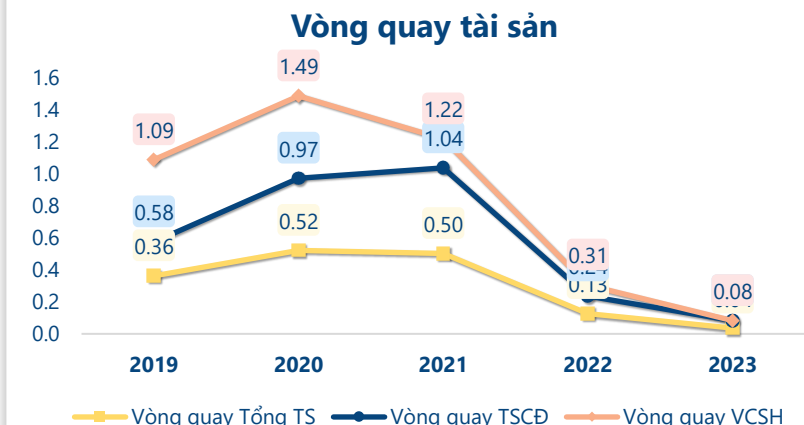
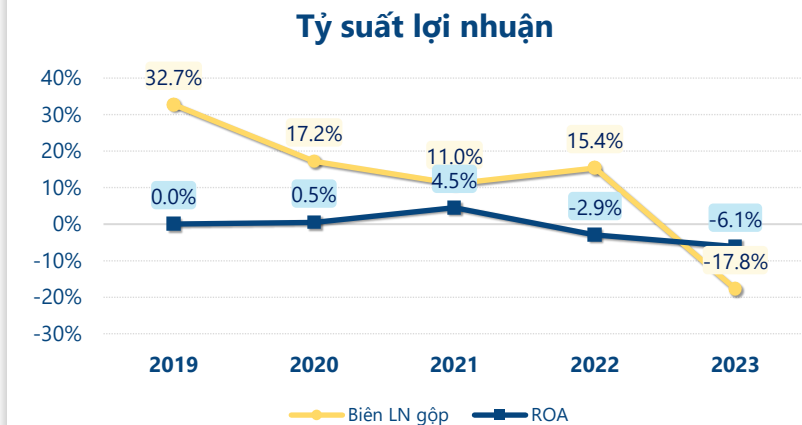
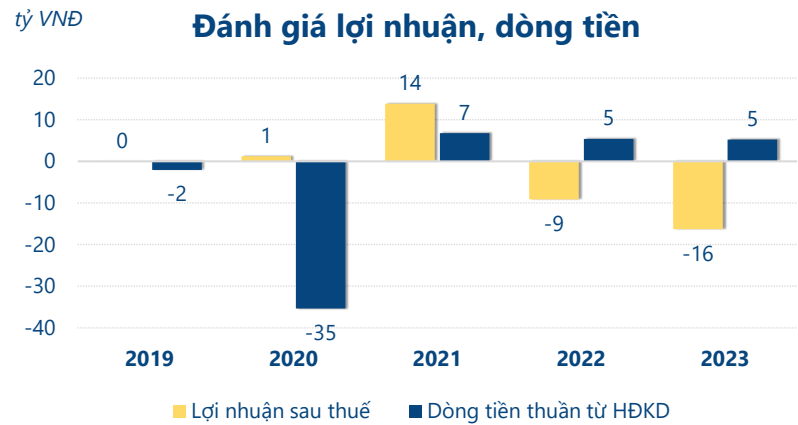
Năm 2023, F-Score của CTC đạt 5/9 không đổi so với năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá thuộc vùng "ổn định".

Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 2/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 3/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

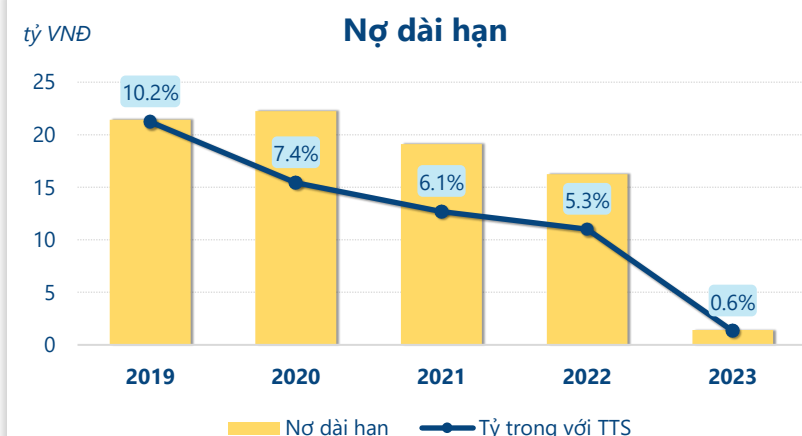
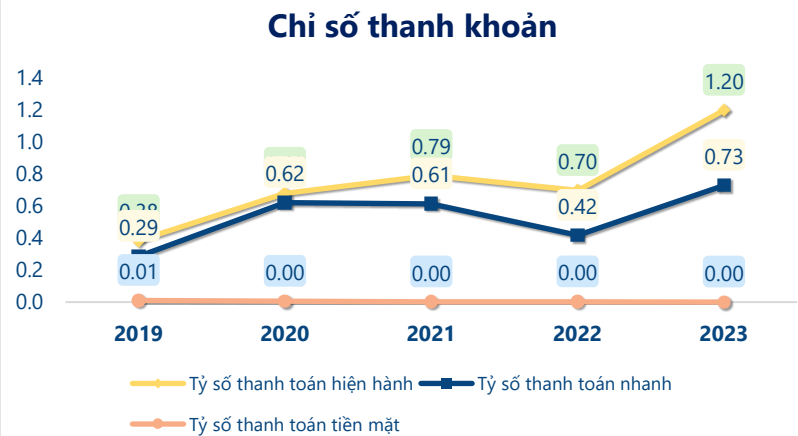
Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.



CTCP Tập đoàn Hoàng Kim Tây Nguyên (HNX: CTC)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của CTC: Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương cho thấy công ty vẫn đang tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, tuy nhiên các khoản lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế âm. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	225	308	-27.1%
Tài sản ngắn hạn	138	117	18.4%
Tiền và tương đương tiền	0.01	0.19	-92.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	64.2	69.5	-7.6%
Hàng tồn kho	54.0	46.9	15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	19.9	0.06	35353%
Tài sản dài hạn	86.4	191	-54.8%
Phải thu dài hạn	0.43	0.43	0.0%
Tài sản cố định	63.7	168	-62.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.40	5.40	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.8	16.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.35	-64.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	116	184	-36.6%
Nợ ngắn hạn	114	167	-32.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.0	109	-57.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	16.6	-10.4%
Nợ dài hạn	2.86	16.2	-82.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.86	16.2	-82.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	108	124	-12.9%
Vốn chủ sở hữu	108	124	-12.9%
Vốn điều lệ	158	158	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	82.8	133	154	39.3	9.59
Giá vốn hàng bán	55.7	110	137	33.3	11.3
Lợi nhuận gộp	27.1	23.0	17.0	6.05	-1.70
Doanh thu HĐTC	0.77	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	10.6	14.4	10.5	11.5	9.74
Chi phí lãi vay	10.6	13.7	10.5	11.5	9.74
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.3	3.74	1.33	1.58	0.98
Chi phí QLDN	6.60	2.22	-8.78	0.83	1.48
LN thuần từ HĐKD	0.36	2.60	13.9	-7.90	-13.9
Lợi nhuận khác	-0.26	-1.39	-0.08	-1.24	-0.90
LN trước thuế	0.11	1.21	13.8	-9.14	-14.8
Lợi nhuận sau thuế	0.11	1.21	13.8	-9.14	-16.3
LNST của CĐ cty mẹ	0.11	1.21	13.8	-9.14	-16.3

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.05	-35.3	6.77	5.42	5.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-40.2	-1.41	-12.2	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.51	75.0	-5.95	6.81	-5.44
Tiền đầu kỳ	6.87	1.31	0.74	0.14	0.19
Lưu chuyển tiền thuần	-5.56	-0.58	-0.59	0.05	-0.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.31	0.74	0.14	0.19	0.01